

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- ***Bị đơn:***

1. Ông Lâm Hùng E, sinh năm 1979 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 14 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 trình bày:

Vào ngày 24/6/2020, vợ chồng ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2, có nhờ ông T1 đứng tên vay dùm số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) cộng với số tiền bảo hiểm 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng là 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) của ngân hàng FE (Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V – sau đây gọi tắt là Công ty tài chính) và có làm bản cam kết với ông T1 là đúng ngày 24 hàng tháng sẽ đóng tiền bằng 1.132.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) vừa gốc vừa lãi trong thời gian 36 tháng, hết hạn hợp đồng vay. Nhưng khi nhận tiền xong cho đến nay, vợ chồng ông Hùng E và bà T2 không làm đúng như trong bản cam kết, cụ thể như tháng 9 và tháng 10 năm 2020 cũng không đóng, nên ông T1 đã làm đơn nhờ tổ hòa giải ấp P giải quyết, ông Hùng E xin hẹn 03 ngày, nhưng sau đó ông Hùng E cũng không thực hiện. Đến ngày xét xử 27/9/2022, ông T1 đã trả tiền cho Công ty tài chính được 27 lần với số tiền tổng cộng 30.564.000 đồng.

Ông T1 yêu cầu như sau:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2 trả lại số tiền 3 tháng ông T1 đã đóng lãi là 3.396.000 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) cho Công ty tài chính và yêu cầu vợ chồng ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2 hàng tháng phải trả cho ông T1 số tiền là 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền ông Hùng E và bà T2 đã nhận từ số tiền đã nhờ ông T1 vay dùm tổng cộng là 26.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn ông Lâm Hùng E trả số tiền đã nhận từ số tiền đã nhờ ông T1 vay dùm tổng cộng là 26.375.000 đồng (số tiền vốn gốc thực nhận 25.000.000 đồng và số tiền bảo hiểm 1.375.000 đồng), trừ số tiền ông Hùng E đã gửi ông T1 đóng (trả tiền) cho Công ty tài chính 02 lần với số tiền 2.264.000 đồng. Ông Lâm Hùng E phải trả lại cho ông T1 số tiền 24.111.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2022, ông Lâm Hùng E trình bày:

Ông Lâm Hùng E không có nhờ ông Nguyễn Hoàng T1 vay tiền của ngân hàng FE (Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V) theo đơn khởi kiện của ông T1. Ông Hùng E có thiếu nợ ông T1 tiền mua gà đá. Ông Hùng E thừa nhận chữ viết Lâm Hùng E phía dưới mục “Chồng” trong “BẢN CAM KẾT V/v vay tiền của NH.FE vay dùm vợ chồng hai em” lập ngày 24/6/2020, còn chữ ký ông Hùng E không nhớ rõ có phải chữ ký của ông Hùng E hay không, vợ ông Hùng E là bà Trần Thị T2 không có ký tên, viết họ tên vào “BẢN CAM KẾT”

nêu trên. Ông Hùng E có thiếu tiền mua gà của ông T1 khoảng 20.000.000 đồng nên ông Hùng E có đóng tiền cho Công ty tài chính thông qua cửa hàng Đ, T, dịch vụ B khoảng 05 – 06 lần để trả thay cho ông T1 vay tiền của Công ty tài chính, mỗi lần đóng số tiền 1.132.000 đồng, các biên nhận hiện nay ông Hùng E không còn giữ, thời gian đóng ông Hùng E không nhớ rõ. Sau khi trả khoảng 05 – 06 lần nêu trên, ông Hùng E còn nợ lại ông T1 tiền mua gà là 5.000.000 đồng. Nay ông Hùng E đồng ý trả cho ông T1 số tiền còn lại 5.000.000 đồng. Ông Hùng E không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T1, ông Hùng E chỉ đồng ý trả ông T1 số tiền còn nợ là 5.000.000 đồng. Ông Hùng E có tham dự buổi hòa giải cơ sở vào hồi 09 giờ ngày 19/11/2020 của Tổ Hòa giải ấp P, thị trấn C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 8 năm 2022, ông Lâm Hùng E trình bày:

Ông Hùng E có đưa tiền cho ông T1 đóng 02 lần cho Công ty tài chính, mỗi lần 1.132.000 đồng x 2 = 2.264.000 đồng và ông Hùng E có đóng thêm 03 lần mỗi lần 1.132.000 đồng nhưng biên lai đã thất lạc, không nhớ đóng thời gian nào. Ngoài lời trình bày trên, ông Hùng E không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh các lần đóng tiền nêu trên. Đến nay ông T1 yêu cầu ông Hùng E trả số tiền 10.000.000 đồng thì ông Hùng E đồng ý trả, nếu ông T1 yêu cầu trả số tiền 26.500.000 đồng thì ông Hùng E không đồng ý trả vì ông Hùng E còn nợ ông T1 số tiền khoảng 10.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2022, bà Trần Thị T2 trình bày:

Bà Trần Thị T2 không có ký tên, ghi họ tên phía dưới mục “Vợ” trong “BẢN CAM KẾT V/v vay tiền của NH.FE vay dùm vợ chồng hai em” lập ngày 24/6/2020. Bà T2 cũng không có tham dự buổi hòa giải của Tổ hòa giải ấp P, thị trấn C vào ngày 19/11/2020. Bà T2 không đồng ý trả tiền cho ông T1 theo nội dung khởi kiện của ông T1 vì bà T2 không có mượn tiền hay nợ tiền của ông T1. Việc chồng bà là ông Lâm Hùng E có mua gà đá của ông T1 làm gì thì bà T2 không biết, không có phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Hùng E tự trả tiền.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lâm Hùng E phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền

24.111.000 đồng, bị đơn ông Lâm Hùng E phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2 có cùng địa chỉ cư trú tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Người khởi kiện ông Nguyễn Hoàng T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2 trả lại số tiền do ông T1 đã trả thay cho ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho ông Nguyễn Hoàng T1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và ông T1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền do ông Hùng E và bà T2 đã nhận từ số tiền đã nhờ ông T1 vay dùm là 26.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn ông Lâm Hùng E trả số tiền đã nhận từ số tiền đã nhờ ông T1 vay dùm là 26.375.000 đồng, trừ đi số tiền ông Hùng E đã đưa ông T1 trả cho Công ty tài chính 02 lần với số tiền 2.264.000 đồng, còn lại số tiền 24.111.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Các bị đơn ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Lâm Hùng E và bà Trần Thị T2.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Hoàng T1 yêu cầu bị đơn ông Lâm Hùng E phải trả số tiền đã nhờ ông T1 vay dùm là 26.375.000 đồng (số tiền vốn gốc thực nhận 25.000.000 đồng và số tiền bảo hiểm 1.375.000 đồng).

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Hoàng T1 yêu cầu ông Lâm Hùng E phải trả số tiền đã nhờ nguyên đơn vay dùm là 26.375.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Tại “BẢN CAM KẾT V/v vay tiền của NH.FE vay dùm vợ chồng hai em” lập ngày 24/6/2020 thể hiện nội dung “Ông Nguyễn Hoàng T1 có vay dùm 1 số tiền 25.000.000 đồng của NH.FE thời gian 36 tháng, mỗi tháng nộp 1.120.000 đồng vừa trả lãi và gốc cho vợ chồng em (Lâm Hùng E, Trần Thị T2). Kể từ ngày nay 24/6/2020 hai vợ chồng em Hùng E và T2 có trách nhiệm hàng tháng vào ngày 22 đến Đ đóng lãi cho NH.FE bằng 1.120.000 đồng. Nếu làm sai theo trong giấy cam kết, hai em Hùng E và T sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Tại các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Hùng E đều thừa nhận chữ viết Lâm Hùng E phía dưới mục “Chồng” trong “BẢN CAM KẾT V/v vay tiền của NH.FE vay dùm vợ chồng hai em” lập ngày 24/6/2020, còn chữ ký ông Hùng E không nhớ rõ có phải chữ ký của ông Hùng E hay không. Tại biên bản hòa giải cơ sở của Tổ Hòa giải ấp P, thị trấn C vào ngày 19/11/2020, ông Lâm Hùng E có tham dự buổi hòa giải và thống nhất với yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T1 và cam kết đến ngày 21/11/2020 sẽ gửi tiền cho ông T1 đóng lãi đầy đủ kỳ hạn đến hạn thanh toán.

[4.2] Tại Hợp đồng tín dụng bằng phương tiện điện tử, số hợp đồng: 20200623-0004644 ngày 23/6/2020, giữa Bên cho vay: Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V với Bên vay: Ông Nguyễn Hoàng T1 do ông Nguyễn Hoàng T1 cung cấp cho Tòa án thì thể hiện số tiền vay 26.375.000 đồng (trong đó số tiền đề nghị vay là 25.000.000 đồng và số tiền bảo hiểm là 1.375.000 đồng). Thời hạn vay đến ngày 01/7/2023, trả hàng tháng 1.120.000 đồng và phải chịu phí dịch vụ thu hộ 12.000 đồng cho mỗi kỳ trả nợ. Do đó, mỗi tháng phải trả số tiền 1.132.000 đồng. Tính đến ngày xét xử (27/9/2022), nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 đã trả cho Công ty tài chính được 27 lần với số tiền tổng cộng là 30.564.000 đồng (trong đó có 02 lần tháng 1, 2 năm 2021 Hùng E đưa tiền cho ông T1 trả cho Công ty tài chính với số tiền 1.132.000 đồng x 2 = 2.264.000 đồng). Như vậy, trừ số tiền của ông Hùng E gửi ông T1 trả cho Công ty tài chính 02 lần với số tiền 2.264.000 đồng, thì ông T1 đã trả cho Công ty tài chính số tiền tổng cộng 28.300.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T1 yêu cầu ông Hùng E có nghĩa vụ trả số tiền 26.375.000 đồng – số tiền 2.264.000 đồng, còn lại số tiền 24.111.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hùng E cho rằng nợ tiền mua gà đá của ông T1 nên ông Hùng E trả tiền cho Công ty tài chính cho ông T1 khoảng 05 đến 06 lần và còn nợ lại ông T1 số tiền khoảng 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T1 chỉ thừa nhận ông Hùng E có đưa tiền ông T1 trả tiền cho Công ty tài chính 02 lần với số tiền 2.264.000

đồng. Ông Hùng E không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho Công ty tài chính 05 – 06 lần.

[4.3] Theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, thì “2) *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.* 4) *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, lời trình bày của bị đơn ông Hùng E cho rằng đã trả tiền cho Công ty tài chính 05 – 06 lần và còn nợ ông T1 số tiền khoảng 10.000.000 đồng là không có căn cứ để Tòa án chấp nhận. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn ông T1 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 về yêu cầu bị đơn ông Lâm Hùng E phải trả cho nguyên đơn tiền đã nhận của nguyên đơn do bị đơn đã nhờ nguyên đơn vay dùm và nguyên đơn đã trả thay cho bị đơn và bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 24.111.000 đồng.

[7] Riêng số tiền nguyên đơn đã trả cho Công ty tài chính đến ngày xét xử vượt quá số tiền nguyên đơn yêu cầu khởi kiện ban đầu, nguyên đơn không có khởi kiện bổ sung nên Tòa án giành quyền cho nguyên đơn khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm:

[9.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Lâm Hùng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.205.550 đồng (một triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm năm mươi đồng).

[9.2] Nguyên đơn Nguyễn Hoàng T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 747.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007092 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 166; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 đối với bị đơn ông Lâm Hùng E.

2. Xử buộc bị đơn Lâm Hùng E phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 số tiền bị đơn còn nợ lại 24.111.000 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm mười một nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn ông Lâm Hùng E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn ông Lâm Hùng E phải chịu 1.205.550 đồng (một triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 747.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007092 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn